

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 141

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Mì trứng nấu hải sản (tôm tươi, mực, bí ngòi, cải dúng, hẹ lá, nấm đông cô tươi, hành lá, ngò rí)
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Cánh gà chiên nước mắm, tỏi, hành lá
- Canh bí đỏ, đậu phộng nấu thịt bò, hành lá, ngò rí
- Cải ngọt luộc
Xế: Nước chanh
Xế chiều: Súp cua biển, bắp mỹ, nấm bào ngư, su su, trứng gà, bột năng, hành lá, ngò rí

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0270	Dầu thảo mộc (Lạc, vừng, cálm...)	1,000	6,280	62,800
2	0695	Dầu thực vật Tường An	700	3,140	21,980
3	0494	Đường cát	3,750	3,880	145,500
4	N0966	Muối lot	900	740	6,660
5	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
6	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
7	0004	Gạo tẻ máy	7,300	2,560	186,880
8	0120	Hành lá (hành hoa)	450	8,400	37,800
9	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
10	0119	Hành tím (hành củ tươi)	100	6,300	6,300
11	0185	Tỏi ta	100	7,460	7,460
12	N0777	Mì sợi	2,200	7,700	169,400
13	0648	Bí ngòi (Bí Nhật Bản)	700	7,560	52,920
14	0716	Cải dún (nhúng)	600	6,300	37,800
15	0124	Hẹ lá	150	6,090	9,135
16	0209	Nấm hương tươi (nấm đông cô)	200	27,300	54,600
17	0632	Mực ống	800	36,650	293,200
18	0424	Tôm sú	900	30,980	278,820
19	0369	Thịt gà công nghiệp (cánh)	6,100	12,810	781,410
20	N0772	Thịt ức gà	1,200	12,920	155,040
21	0066	Lạc hạt (Đậu phộng hạt)	200	7,040	14,080
22	0085	Bí đỏ (bí ngô)	4,000	4,520	180,800
23	0190	Cải ngọt	1,100	5,880	64,680
24	0286	Thịt bò loại II	1,300	36,750	477,750

25	0649	Bột năn	1,300	4,675	60,775
26	0007	Ngô bắp tươi	900	4,200	37,800
27	N0778	Năm bảo ngư	400	13,130	52,520
28	0180	Su su	1,100	4,100	45,100
29	0451	Trứng gà công nghiệp	600	7,333.3	44,000
30	N0810	Thịt cua tươi	950	91,850	872,575
31	0457	Sữa bột toàn phần	3,907.12	20,500	800,960
32	0215	Chanh	2,100	6,200	130,200
Tổng chợ					5,217,000

Tổng tiền thực phẩm	5,217,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	5,217,000
Số dư đầu ngày	0
Số dư cuối ngày	0
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	15,577,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	15,577,000

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan